

53. TƯƠNG ỪNG THIỀN (JHĀNASAMĪYUTTA)

I. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GAṆGĀPEYYĀLAVAGGA)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THIỀN (*Jhānādisuttadvādasaka*)¹ (S. V. 307)

923-934. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Nay các Tỷ-kheo, có bốn tầng thiền này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ.

Làm tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn thiền.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn thiền, làm cho sung mãn bốn thiền, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo tu tập bốn thiền làm cho sung mãn bốn thiền, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn thiền, làm cho sung mãn bốn thiền, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các bài kinh: “Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển.” Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

¹ Bản tiếng Anh của PTS: *Foremost in Purity*, nghĩa là *Thanh tịnh nhất*.

II. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

I-X. (S. V. 308)

935-944. (Phẩm này gồm các bài kinh: “Nhu Lai”, “Dấu chân”, “Chóp mái”, “Rễ hương”, “Lõi hương”, “Hạ Sanh hoa”, “Vua”, “Mặt trăng”, “Mặt trời”, “Vải”, tất cả là mười kinh).

III. PHẨM CẦN DỪNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

I-XII. (S. V. 308)

945-956. (Phẩm này gồm các bài kinh: “Sức lực”, “Các hạt giống”, “Con rắn”, “Cây”, “Cái ghè”, “Râu lúa mì”, “Hư không”, “Mây mưa 1”, “Mây mưa 2”, “Chiếc thuyền”, “Các khách”, “Con sông”).

IV. PHẨM TÂM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I-X. (S. V. 309)

957-966. (Phẩm này gồm các bài kinh: “Tâm cầu”, “Kiêu mạn”, “Lậu hoặc”, “Hữu”, “Khổ tánh”, “Hoang vu”, “Cấu nhiễm”, “Dao động”, “Thọ”, “Khát ái”).

V. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

I-X. KINH BỘC LƯU, V.V... (*Oghādisutta*) (S. V. 309)

967-976. Đây các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử. Đây các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn thiền cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư.

Đề thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Bốn thiền cần phải tu tập.

(Phẩm này gồm các bài kinh: “Bộc lưu”, “Ách phục”, “Chấp thủ”, “Hệ phục”, “Tùy miên”, “Dục công đức”, “Triền cái”, “Thủ uẩn”, “Hạ phần kiết sử”, “Thượng phần kiết sử”).



